

**QUY TRÌNH
KIỂM TOÁN TUÂN THỦ VÀ KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG
ĐỐI VỚI NHNN CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ**

Để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng công tác kiểm toán nội bộ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và thực hiện kiểm toán bằng phần mềm kiểm toán TeamMate, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) hướng dẫn quy trình kiểm toán tuân thủ và kiểm toán hoạt động đối với NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố như sau:

**PHẦN I
QUY ĐỊNH CHUNG**

I - NỘI DUNG KIỂM TOÁN

1. Kiểm toán công tác tổ chức điều hành và sử dụng nguồn lực;
2. Kiểm toán việc thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn: Công tác nghiên cứu tổng hợp; thanh tra, giám sát Ngân hàng; hành chính, nhân sự; thông tin báo cáo; quản lý ngoại hối, thị trường tiền tệ; kế toán, ngân quỹ;
3. Kiểm toán, đánh giá hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ;
4. Kiểm toán việc thực hiện kiến nghị.

II - PHẠM VI KIỂM TOÁN

1. Kiểm toán tuân thủ và kiểm toán hoạt động có thể được thực hiện toàn diện đối với mọi hoạt động của Chi nhánh hoặc lựa chọn một số nhiệm vụ trọng yếu để tiến hành kiểm toán;
2. Kiểm toán tuân thủ được thực hiện đồng thời với kiểm toán hoạt động đối với một Chi nhánh trong một thời kỳ nhất định.

III - CĂN CỨ KIỂM TOÁN

1. Luật NHNN và Luật các Tổ chức tín dụng;
2. Nghị định của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của NHNN;
3. Quyết định về Quy chế kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ NHNN;
4. Quyết định của Thống đốc NHNN quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; của Vụ Kiểm toán nội bộ;

5. Các văn bản hiện hành của Nhà nước, của NHNN có liên quan đến tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ của Chi nhánh.

IV – PHƯƠNG PHÁP KIỂM TOÁN:

1. Kiểm tra đối chiếu. Là việc kiểm soát viên trực tiếp kiểm tra, đối chiếu xem xét các tài liệu, sổ sách kế toán và các tài sản hữu hình để kiểm tra tính đúng đắn của sổ sách kế toán và sự tồn tại, quyền sở hữu của các tài sản vật chất đó. Kiểm tra đối chiếu thường bao gồm 2 loại:

- Kiểm tra vật chất: Kiểm soát viên trực tiếp tham gia kiểm kê hoặc chứng kiến kiểm kê tài sản thực tế về hàng hoá, vật tư tồn kho, máy móc thiết bị,... sau đó đối chiếu với sổ sách kế toán để đánh giá.

- Kiểm tra tài liệu: Là xem xét, đối chiếu các tài liệu, văn bản, sổ sách.

2. Quan sát: Là việc kiểm soát viên xem xét, chứng kiến tận mắt các quá trình xử lý nghiệp vụ do các cán bộ đơn vị thực hiện.

3. Xác nhận: Là việc thu thập các xác nhận của bên thứ 3 về các thông tin liên quan đến đối tượng được kiểm toán.

4. Phỏng vấn: Là việc thu thập thông tin qua việc trao đổi với các đối tượng là người trong hoặc ngoài đơn vị được kiểm toán có liên quan.

5. Tính toán: Là việc kiểm soát viên trực tiếp tính toán lại các phép tính trên các sổ sách, chứng từ kế toán hoặc các bảng biểu.

PHẦN II

HƯỚNG DẪN NỘI DUNG KIỂM TOÁN

1. Kiểm toán công tác tổ chức điều hành và sử dụng nguồn lực

1. Kiểm toán công tác tổ chức, quản lý và điều hành

1.1. Công tác tổ chức, quản lý và điều hành của Ban Giám đốc

a. Nội dung kiểm toán:

- Về cơ cấu, tổ chức của Chi nhánh

- + Số Phòng thực tế hiện có của Chi nhánh so với Quy chế tổ chức, nếu có thay đổi so với quy định (thêm phòng hoặc bớt phòng) phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Thống đốc NHNN;

- + Việc thành lập và hoạt động của các tổ chức đoàn thể (Công đoàn, Thanh niên, phụ nữ...), các Ban chỉ đạo (Phòng chống tham nhũng, Phòng chống bạo lực...) theo quy định.

- Về ban hành các văn bản, xây dựng quy chế làm việc và mối quan hệ trong chỉ đạo điều hành nội bộ Chi nhánh:

- + Lễ lối làm việc, mối quan hệ công tác giữa Giám đốc, Phó giám đốc; mối quan hệ giữa Giám đốc và các tổ chức đoàn thể; mối quan hệ giữa Ban

Giám đốc với các phòng; các quy định về mối quan hệ công tác giữa các phòng trong việc xử lý một quy trình nghiệp vụ có liên quan;

- + Chương trình, kế hoạch công tác, kết luận họp giao ban định kỳ;

- + Quy định về thông tin báo cáo, trách nhiệm lập các loại báo cáo của từng phòng, bộ phận, cá nhân và thời hạn gửi báo cáo;

- + Việc triển khai, phổ biến văn bản, quy định nội bộ Chi nhánh đến các phòng và cán bộ, công chức, các tổ chức tín dụng (TCTD), các tổ chức khác có hoạt động Ngân hàng trên địa bàn;

- + Quy định về lịch tiếp dân, địa điểm bố trí phòng tiếp dân.

- Về phân công nhiệm vụ:

- + Việc phân công phụ trách và công tác chỉ đạo điều hành của Ban Giám đốc Chi nhánh theo quy định;

- + Quy chế làm việc trong Chi nhánh; phân công công tác cho cấp phó và cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý;

- + Việc phân công, uỷ quyền bằng văn bản giữa cấp trưởng với cấp phó khi cấp trưởng vắng mặt;

- + Kiểm tra việc phân công nhiệm vụ cho các phòng của Giám đốc Chi nhánh theo quy định của Thống đốc NHNN.

b. Mục tiêu kiểm toán:

- Đánh giá tính tuân thủ về cơ cấu tổ chức hiện tại của Chi nhánh;

- Đánh giá công tác quản lý, điều hành của Ban Giám đốc đối với hoạt động của Chi nhánh, các TCTD và các tổ chức khác có hoạt động Ngân hàng trên địa bàn.

c. Văn bản tham chiếu:

- Điều 3 Quyết định số 2989/QĐ-NHNN ngày 14/12/2009 của Thống đốc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

- Công văn số 9964/NHNN-TCCB ngày 17/12/2009 v/v hướng dẫn thực hiện Quyết định số 2989/QĐ-NHNN;

- Điều 7 Quy chế làm việc của NHNN Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 31/2008/QĐ-NHNN ngày 7/11/2008 của Thống đốc;

- Quyết định số 486/2003/QĐ-NHNN ngày 19/5/2003 của Thống đốc ban hành quy chế kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ NHNN;

- Các quyết định nội bộ của Chi nhánh đã ban hành;

- Quy chế dân chủ ở cơ sở trong hệ thống NHNN.

d. Rủi ro:

- Cơ cấu, tổ chức của Chi nhánh chưa đúng quy định.
- Việc phân công trong Ban Giám đốc và các phòng trong Chi nhánh không đúng quy định; chưa quy định mối quan hệ giữa Ban Giám đốc và các tổ chức đoàn thể; chưa ban hành hoặc ban hành không kịp thời các Quy định nội bộ.
- Chưa có sự phối kết hợp để giải quyết những công việc có liên quan giữa các phòng.
- Chưa bố trí hoặc bố trí Phòng tiếp dân không thuận tiện.
- Chưa thực hiện việc niêm yết công khai các thông tin theo quy định.

1.2. Công tác tổ chức và điều hành của các phòng nghiệp vụ

a. Nội dung kiểm toán:

- Kiểm tra việc thực hiện các quy định nội bộ của đơn vị tại các phòng;
- Kiểm tra việc thực hiện quy định về mối quan hệ công tác giữa các phòng trong việc xử lý một quy trình nghiệp vụ có liên quan;
- Kiểm tra việc phân công nhiệm vụ của các phòng cho cán bộ trong phòng;
- Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch công tác của các phòng (tháng, quý, năm).

b. Mục tiêu kiểm toán:

- Đánh giá việc thực hiện các quy định nội bộ của đơn vị tại các phòng.
- Đánh giá việc phân công nhiệm vụ cho cán bộ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Phòng.

c. Văn bản tham chiếu:

- Quyết định số 2989/QĐ-NHNN ngày 14/12/2009 của Thống đốc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Công văn số 9964/NHNN-TCCB ngày 17/12/2009 v/v hướng dẫn thực hiện Quyết định số 2989/QĐ-NHNN;
- Quyết định số 31/2008/QĐ-NHNN ngày 7/11/2008 của Thống đốc ban hành quy chế làm việc của NHNN Việt Nam;
- Quyết định số 486/2003/QĐ-NHNN ngày 19/5/2003 của Thống đốc ban hành quy chế kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ NHNN;
- Các quyết định nội bộ của Chi nhánh đã ban hành.

d. Rủi ro:

- Phân công công việc cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động còn chồng chéo, không hợp lý; chưa kịp thời phân công lại khi thay đổi

cán bộ; không quy định việc phối hợp, thay thế trong quá trình xử lý công việc;

- Nhiệm vụ được giao chưa thực hiện, hoặc thực hiện không đầy đủ.

2. Đánh giá việc sử dụng nguồn lực

2.1. Về nhân sự

a. Nội dung kiểm toán:

- Số lượng cán bộ, công chức tại Chi nhánh so với Thông báo duyệt biên chế được NHNN giao;

- Việc sắp xếp bố trí cán bộ trong Chi nhánh (cơ cấu lãnh đạo, ngạch công chức, sơ đồ vị trí công việc).

b. Mục tiêu kiểm toán:

Đánh giá việc chấp hành các quy định về công tác cán bộ; việc sắp xếp sử dụng lao động, khả năng, trình độ chuyên môn của cán bộ, công chức.

c. Văn bản tham chiếu:

- Công văn số 9964/NHNN-TCCB ngày 17/12/2009 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 2989/QĐ-NHNN ngày 17/12/2009;

- Quyết định số 61/2000/QĐ-NHNN ngày 23/2/2000 của Thống đốc ban hành Quy chế cán bộ, công chức, viên chức NHNN;

- Quyết định số 28/2006/QĐ-NHNN ngày 30/6/2006 của Thống đốc ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức NHNN;

- Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

- Quyết định số 1955/QĐ-NHNN ngày 19/8/2010 của Thống đốc ban hành Quy chế phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức trong ngành Ngân hàng;

- Quyết định số 1956/QĐ-NHNN ngày 19/8/2010 của Thống đốc ban hành Quy chế bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển đối với công chức, viên chức;

- Chỉ tiêu biên chế được duyệt hàng năm của Chi nhánh;

- Kế hoạch đào tạo của NHNN duyệt cho Chi nhánh.

d. Rủi ro:

- Số cán bộ thực tế của Chi nhánh có thể không đúng so với Thông báo chỉ tiêu biên chế.

- Thiếu hoặc thừa cán bộ lãnh đạo so với quy định;

- Việc bố trí cán bộ tại các phòng chưa phù hợp với nhiệm vụ.

2.2. Về tài sản

a. Nội dung kiểm toán:

Kiểm tra việc trang bị, quản lý, sử dụng tài sản tại đơn vị (tài sản cố định, công cụ lao động...) đối chiếu với kế hoạch (đơn vị trình duyệt, Thống đốc phê duyệt) và nhu cầu thực tế;

Lưu ý: Sự phối hợp giữa các phòng về việc mua sắm và sửa chữa tài sản.

b. Mục tiêu kiểm toán:

Đánh giá tính hiệu quả của việc trang bị, quản lý và sử dụng tài sản tại đơn vị.

c. Văn bản tham chiếu:

- Quyết định số 2234/QĐ-NHNN ngày 25/9/2009 của Thống đốc ban hành Quy chế quản lý tài chính NHNN;

- Quyết định số 32/2008 QĐ-NHNN ngày 3/12/2008 của Thống đốc ban hành Chế độ hạch toán TSCĐ, CCLĐ của NHNN;

- Công văn số 6164/NHNN-KTTC ngày 8/7/2008 hướng dẫn thực hiện tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị và phương tiện làm việc;

- Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

d. Rủi ro:

- Việc lập kế hoạch mua sắm, sửa chữa tài sản chưa phù hợp với nhu cầu thực tế sử dụng;

- Việc tổ chức thực hiện mua sắm, sửa chữa chưa đúng quy trình; sự phối hợp giữa các Phòng về việc mua sắm và sửa chữa tài sản chưa chặt chẽ.

II. Kiểm toán việc thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn

1. Công tác nghiên cứu tổng hợp

1.1. Tổ chức phổ biến, chỉ đạo, triển khai thi hành các văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)

a. Nội dung kiểm toán:

- Kiểm tra các hình thức triển khai văn bản đến các TCTD và các tổ chức khác có hoạt động ngân hàng trên địa bàn;

- Kiểm tra tính đầy đủ, kịp thời của việc triển khai văn bản;

- Kiểm tra sự phối kết hợp với các Sở, Ban, Ngành trên địa bàn trong việc triển khai văn bản theo chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương.

b. Mục tiêu kiểm toán:

Đánh giá công tác tổ chức phổ biến, chỉ đạo, triển khai thi hành các văn bản QPPL tại đơn vị.

c. Văn bản tham chiếu:

- Quyết định số 2989/QĐ-NHNN ngày 14/12/2009 của Thống đốc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Công văn số 9964/NHNN-TCCB ngày 17/12/2009 v/v hướng dẫn thực hiện Quyết định số 2989/QĐ-NHNN;

- Quyết định số 31/2008/QĐ-NHNN ngày 7/11/2008 của Thống đốc ban hành Quy chế làm việc của NHNN Việt Nam;

- Quyết định số 486/2003/QĐ-NHNN ngày 19/5/2003 của Thống đốc ban hành Quy chế kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ NHNN;

- Các quyết định nội bộ của Chi nhánh đã ban hành;

- Các văn bản chỉ đạo của NHNN, của cấp ủy, chính quyền địa phương.

d. Rủi ro:

- Hình thức triển khai văn bản chưa phù hợp;

- Việc triển khai, phổ biến văn bản chưa kịp thời, chưa đầy đủ đến các đối tượng liên quan;

- Sự phối hợp triển khai văn bản theo chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương chưa tốt.

1.2. Tổng hợp, thống kê, nghiên cứu, phân tích và dự báo kinh tế trên địa bàn

a. Nội dung kiểm toán:

- Kiểm toán công tác tổng hợp, nghiên cứu kinh tế:

+ Kiểm tra việc tổng hợp, nghiên cứu, phân tích và dự báo tình hình kinh tế tại địa phương: Trên cơ sở các nội dung, các chỉ tiêu báo cáo từ các đơn vị gửi về, hoặc thu thập thông qua các kênh thông tin;

+ Tính đầy đủ, chính xác của việc thống kê về hoạt động tiền tệ, tín dụng, ngân hàng trên địa bàn.

- Kiểm tra việc tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương có liên quan đến hoạt động ngân hàng: Xem xét cơ sở khoa học; cơ sở pháp lý; phân tích đánh giá trên cơ sở số liệu tích lũy qua các năm để tham mưu ý kiến.

b. Mục tiêu kiểm toán:

Đánh giá công tác tổng hợp, thống kê, nghiên cứu, phân tích và dự báo kinh tế trên địa bàn.

c. Văn bản tham chiếu:

- Quyết định số 2989/QĐ-NHNN ngày 14/12/2009 của Thống đốc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- Văn bản khác của nhà nước, Ngành.

d. Rủi ro:

Việc lập báo cáo thống kê và phân tích hoạt động tiền tệ, tín dụng, ngân hàng chưa kịp thời, chưa đảm bảo yêu cầu về chất lượng.

1.3. Báo cáo, trả lời chất vấn theo yêu cầu

a. Nội dung kiểm toán:

- Kiểm tra tính kịp thời trong việc trả lời chất vấn theo yêu cầu của cấp ủy, chính quyền địa phương;
- Trả lời thắc mắc, kiến nghị của cơ quan thông tin báo chí về các vấn đề liên quan đến tiền tệ, hoạt động ngân hàng trên địa bàn;
- Kiểm tra việc tổng hợp, theo dõi, xử lý phản hồi.

Lưu ý:

- + Khi có yêu cầu của cấp ủy, chính quyền địa phương về báo cáo, trả lời chất vấn, Giám đốc sẽ giao bộ phận tham mưu, giúp việc thu thập thông tin, soạn thảo thành văn bản, báo cáo trả lời;
- + Trước khi văn bản được báo cáo, trả lời chính thức phải được thông qua hoặc có ý kiến của cấp ủy, chính quyền địa phương và của Thống đốc;
- + Khi có kiến nghị của các cơ quan báo chí về những vấn đề có liên quan đến hoạt động ngân hàng trên địa bàn, Giám đốc phải nghiên cứu, xem xét kỹ, chỉ trả lời những vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định, theo chỉ đạo của Thống đốc và thực hiện theo quy định của pháp luật.

b. Mục tiêu kiểm toán:

Đánh giá tính kịp thời và đầy đủ trong việc trả lời chất vấn theo yêu cầu.

c. Văn bản tham chiếu:

- Quyết định số 44/2007/QĐ-NHNN ngày 17/12/2007 của Thống đốc ban hành Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin của NHNN cho báo chí;
- Công văn số 10326/NHNN-VP ngày 24/11/2008 v/v đẩy mạnh công tác tuyên truyền báo chí của ngành ngân hàng trong tình hình mới;
- Quyết định số 2989/QĐ-NHNN ngày 14/12/2009 của Thống đốc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

d. Rủi ro:

- Trả lời chất vấn, thắc mắc không đúng thẩm quyền;
- Báo cáo trả lời thiếu căn cứ khoa học, không đầy đủ số liệu thực tế hoặc số liệu không chính xác;
- Việc trả lời kiến nghị của các cơ quan báo chí chưa đúng với quan điểm, đường lối, chưa đúng với cơ chế, chính sách dẫn đến người dân hiểu và thực hiện sai, gây thiệt hại chung cho nền kinh tế và xã hội.

2. Công tác thanh tra, giám sát ngân hàng

2.1. Cấp, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng

a. Nội dung kiểm toán:

- Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ liên quan đến cấp, thu hồi, thay đổi một số nội dung đối với giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng; sửa đổi bổ sung điều lệ, mức vốn điều lệ, tỷ lệ cổ phần của các TCTD, các tổ chức khác có hoạt động ngân hàng trên địa bàn.

- Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền liên quan đến việc thay đổi mạng lưới hoạt động của các TCTD và tổ chức khác có hoạt động Ngân hàng trên địa bàn: Mở chi nhánh, văn phòng đại diện; mở, thay đổi tên, địa điểm của Sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của Ngân hàng thương mại (NHTM) trong nước; việc xác nhận đăng ký mở, thay đổi tên hoặc địa điểm, chấm dứt hoạt động Phòng giao dịch, quỹ tiết kiệm, ATM; chuẩn y hoặc chuẩn y theo ủy quyền các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc các TCTD; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, điều động, luân chuyển đối với chức danh Giám đốc (hoặc tương đương) của các đơn vị thành viên đóng trên địa bàn; việc chấp thuận cho các NHTM cổ phần được thực hiện nghiệp vụ bao thanh toán.

b. Mục tiêu kiểm toán:

Đánh giá việc quản lý nhà nước đối với các TCTD và các tổ chức khác có hoạt động Ngân hàng trên địa bàn.

c. Văn bản tham chiếu:

- Quyết định số 83/2009/QĐ-TTg ngày 27/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trực thuộc NHNN;

- Quyết định số 13/2008/QĐ-NHNN ngày 29/4/2008 của Thống đốc ban hành quy định về mạng lưới hoạt động của NHTM;

- Nghị định số 48/2001/NĐ-CP ngày 13/8/2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân. Ngày hiệu lực 28/8/2001;

- Nghị định số 69/2005/NĐ-CP ngày 26/5/2005 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2001/NĐ-CP ngày

13/8/2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân. Ngày hiệu lực 17/06/2005;

- Nghị định số 141/2006/NĐ-CP ngày 22/11/2006 của Chính phủ về ban hành Danh mục mức vốn pháp định của các TCTD. Ngày hiệu lực 18/12/2006; Nghị định số 10/2011/NĐ-CP ngày 26/1/2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 141/2006/NĐ-CP ngày 22/11/2006;

- Quyết định số 24/2006/QĐ-NHNN ngày 06/6/2006 của Thống đốc ban hành Quy chế cấp, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động Quỹ tín dụng nhân dân; mở, chấm dứt hoạt động sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện và phòng giao dịch, điểm giao dịch của Quỹ tín dụng nhân dân; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập Quỹ tín dụng nhân dân; thanh lý Quỹ tín dụng nhân dân dưới sự giám sát của NHNN. Ngày hiệu lực 07/7/2006;

- Quyết định số 26/2008/QĐ-NHNN ngày 09/9/2008 của Thống đốc về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cấp, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động Quỹ tín dụng nhân dân; mở, chấm dứt hoạt động sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện và phòng giao dịch, điểm giao dịch của Quỹ tín dụng nhân dân; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập Quỹ tín dụng nhân dân; thanh lý Quỹ tín dụng nhân dân dưới sự giám sát của NHNN ban hành kèm theo Quyết định số 24/2006/QĐ-NHNN ngày 06/6/2006 của Thống đốc NHNN. Ngày hiệu lực 10/10/2008;

- Quyết định số 31/2006/QĐ-NHNN ngày 18/7/2006 của Thống đốc quy định tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và người điều hành Quỹ tín dụng;

- Công văn số 3885/ĐTC-TCNH ngày 3/4/2008 của Bộ Tài chính về việc một số vướng mắc của Quỹ tín dụng cơ sở khi thực hiện Thông tư 62/2006/TT-BTC ngày 29/6/2006 của Bộ Tài chính. Ngày hiệu lực 03/4/2008;

- Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02/5/2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Công ty cho thuê tài chính. Ngày hiệu lực 17/5/2001;

- Nghị định số 65/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02/5/2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Công ty cho thuê tài chính. Ngày hiệu lực 11/6/2005;

- Nghị định số 79/2002/NĐ-CP ngày 4/10/2002 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Công ty Tài chính. Ngày hiệu lực 19/11/2002;

- Nghị định số 95/2008/NĐ-CP ngày 25/8/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02/5/2001 về tổ chức và hoạt động của công ty cho thuê tài chính. Ngày hiệu lực 23/9/2008;

- Nghị định số 81/2008/NĐ-CP ngày 29/7/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Công ty tài chính. Ngày hiệu lực 24/8/2008;

- Quyết định số 01/2008/QĐ-NHNN ngày 09/01/2008 của Thống đốc ban hành quy định về việc mở và chấm dứt hoạt động chi nhánh, Văn phòng đại diện của TCTD phi ngân hàng. Ngày hiệu lực 05/2/2008;

- Nghị định số 28/2005/NĐ-CP ngày 09/3/2005 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Tổ chức tài chính quy mô nhỏ tại Việt Nam. Ngày hiệu lực 30/03/2005;

- Nghị định số 165/2007/NĐ-CP ngày 15/11/2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Nghị định số 28/2005/NĐ-CP. Ngày hiệu lực 10/12/2007;

- Thông tư số 08/2009/TT-NHNN, ngày 28/4/2009 của Thống đốc hướng dẫn về mạng lưới hoạt động của Tổ chức tài chính quy mô nhỏ. Ngày hiệu lực 01/6/2009.

d. Rủi ro:

Không tuân thủ các quy định về việc cấp, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động; mở, chấm dứt hoạt động sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện và phòng giao dịch, điểm giao dịch; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập TCTD và các tổ chức khác có hoạt động ngân hàng.

2.2. Giám sát, chỉ đạo việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập

a. Nội dung kiểm toán:

- Kiểm toán các nội dung theo Thông tư số 04/2010/TT-NHNN ngày 11/02/2010 của Thống đốc quy định việc sáp nhập, hợp nhất, mua lại TCTD;

- Kiểm tra việc thực hiện kiểm soát đặc biệt (nếu có) đối với các TCTD trên địa bàn theo ủy quyền của Thống đốc và quy định của pháp luật;

- Kiểm tra việc lưu giữ hồ sơ liên quan đến các đối tượng kiểm soát đặc biệt;

- Kiểm tra việc thu thập các thông tin, báo cáo, các biên bản cuộc họp, các ý kiến chỉ đạo của Thống đốc, của Ủy ban nhân dân tỉnh về hướng xử lý đối với từng đối tượng kiểm soát đặc biệt;

- Kiểm tra tiến độ thực hiện và việc đôn đốc thực hiện các công việc đã được ấn định thông qua các cuộc họp, thông qua các văn bản chỉ đạo của các cấp.

b. Mục tiêu kiểm toán:

Đánh giá công tác giám sát, chỉ đạo việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, kiểm soát đặc biệt, giải thể đối với các TCTD trên địa bàn theo ủy quyền của Thống đốc và quy định của pháp luật.

c. Văn bản tham chiếu:

- Quyết định số 13/2008/QĐ-NHNN ngày 29/4/2008 của Thống đốc ban hành Quy định về mạng lưới hoạt động của NHTM;
- Nghị định số 48/2001/NĐ-CP ngày 13/8/2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân. Ngày hiệu lực 28/8/2001;
- Thông tư số 04/2010/TT-NHNN ngày 11/2/2010 của Thống đốc quy định việc sáp nhập, hợp nhất, mua lại TCTD;
- Quyết định số 24/2006/QĐ-NHNN ngày 06/6/2006 của Thống đốc ban hành Quy chế cấp, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động Quỹ tín dụng nhân dân; mở, chấm dứt hoạt động sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện và phòng giao dịch, điểm giao dịch của Quỹ tín dụng nhân dân; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập Quỹ tín dụng nhân dân; thanh lý Quỹ tín dụng nhân dân dưới sự giám sát của NHNN. Ngày hiệu lực 07/7/2006; Quyết định số 26/2008/QĐ-NHNN ngày 09/9/2008 của Thống đốc về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cấp, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động Quỹ tín dụng nhân dân; mở, chấm dứt hoạt động sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện và phòng giao dịch, điểm giao dịch của Quỹ tín dụng nhân dân; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập Quỹ tín dụng nhân dân; thanh lý Quỹ tín dụng nhân dân dưới sự giám sát của NHNN ban hành kèm theo Quyết định số 24/2006/QĐ-NHNN ngày 06/6/2006;
- Thông tư số 08/2010/TT-NHNN ngày 22/3/2010 của Thống đốc quy định kiểm soát đặc biệt đối với TCTD.

d. Rủi ro:

NHNN Chi nhánh không tuân thủ quy định về giám sát, chỉ đạo việc chia tách, hợp nhất, sáp nhập các TCTD.

2.3. Phòng chống tham nhũng, giải quyết khiếu nại

a. Nội dung kiểm toán:

- Kiểm tra công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại Chi nhánh theo các văn bản chỉ đạo của Chính phủ và của Ngân hàng Trung ương:

+ Kiểm tra việc xây dựng các chương trình, kế hoạch cụ thể, chỉ đạo các tổ chức đoàn thể, cán bộ, công chức trong Chi nhánh cùng thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí;

+ Kiểm tra việc triển khai thực hiện các chương trình hành động của đơn vị về thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí.

- Đối với công tác khiếu nại tố cáo: Kiểm tra việc tiếp nhận, xử lý và giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo; việc thực hiện quy chế lập, quản lý hồ sơ thanh tra, hồ sơ giải quyết khiếu nại, hồ sơ giải quyết tố cáo.

b. Mục tiêu kiểm toán:

Đánh giá việc triển khai thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, giải quyết khiếu nại tố cáo tại đơn vị. Đánh giá việc triển khai thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, giải quyết khiếu nại tố cáo tại đơn vị.

c. Văn bản tham chiếu:

- Luật Khiếu nại tố cáo, Luật Thanh tra, Luật NHNN, Luật các TCTD, Luật phòng chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

- Quyết định số 2278/2007/QĐ-TTCP ngày 24/10/2007 của Thanh tra Chính phủ ban hành quy chế lập, quản lý hồ sơ thanh tra, hồ sơ giải quyết khiếu nại, hồ sơ giải quyết tố cáo;

- Quyết định số 2989/QĐ-NHNN ngày 14/12/2009 của Thống đốc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Quyết định số 31/2008/QĐ-NHNN ngày 07/11/2008 của Thống đốc ban hành quy chế làm việc của NHNN Việt Nam.

d. Rủi ro:

- Chưa xây dựng chương trình hành động về phòng, chống tham nhũng; hoặc có nhưng mang tính hình thức.

- Khi phát hiện tham nhũng chưa có biện pháp hoặc chưa phối hợp với các cấp, các đơn vị liên quan để xử lý kịp thời.

- Chi nhánh chưa xây dựng được các chương trình hành động, các biện pháp thực hành tiết kiệm.

- Giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo chưa dứt điểm; khiếu kiện kéo dài.

2.4. Tổ chức, thực hiện công tác thanh tra, giám sát

a. Nội dung kiểm toán:

- Việc thực hiện thanh tra theo chương trình, kế hoạch của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng và kế hoạch của Chi nhánh;

- Kiểm tra việc xử lý vi phạm đối với hoạt động của các TCTD, các tổ chức khác có hoạt động ngân hàng trên địa bàn được phát hiện qua các cuộc thanh tra, giám sát;

- Kiểm toán việc thực hiện tuân thủ theo quy định về quy trình đối với cuộc thanh tra; đoàn Thanh tra, xử lý kết luận thanh tra, theo dõi, đôn đốc chỉnh sửa kiến nghị, lưu giữ hồ sơ thanh tra...

b. Mục tiêu kiểm toán:

- Đánh giá việc tuân thủ chương trình kế hoạch thanh tra, kiểm tra của Ngân hàng Trung ương và Chi nhánh;

- Đánh giá việc chấp hành các quy định tại quy trình thanh tra, quy chế của Đoàn thanh tra;

Lưu ý: Kiểm tra việc triển khai thực hiện các nội dung theo đề cương, kế hoạch; tính chính xác, rõ ràng có căn cứ của kết luận thanh tra, việc theo dõi chỉnh sửa theo kết luận thanh tra;

- Đánh giá việc tuân thủ quy định về lưu trữ hồ sơ các cuộc thanh tra;

- Đánh giá việc chấp hành quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng.

c. Văn bản tham chiếu:

- Nghị định số 61/1998/NĐ-CP ngày 15/8/1998 của Chính phủ về công tác thanh tra, kiểm tra đối với các doanh nghiệp;

- Quyết định số 2151/2006/QĐ- TTCP ngày 10/11/2006 của Thanh tra Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động của Đoàn thanh tra; Quyết định số 2894/2008/QĐ- TTCP ngày 23/12/2008 của Thanh tra Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2151/2006/QĐ- TTCP;

- Văn bản số 9983/NHNN-TTr ngày 11/11/2008 V/v hướng dẫn quy trình thực hiện một cuộc thanh tra;

- Văn bản số 129/TTCP-PC ngày 22/11/2007 hướng dẫn mẫu ghi chép, bảo quản sổ nhật ký Đoàn thanh tra;

- Các chương trình, kế hoạch thanh tra năm, đột xuất của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng;

- Các chương trình, kế hoạch thanh tra năm, đột xuất do Giám đốc Chi nhánh quyết định;

- Các văn bản khác quy định về hoạt động của Thanh tra, giám sát Chi nhánh.

d. Rủi ro:

- Chưa thực hiện theo chương trình kế hoạch thanh tra của Ngân hàng Trung ương cũng như kế hoạch thanh tra chi nhánh, dẫn đến công tác thanh tra chưa đảm bảo tính toàn diện;

- Việc xử lý sai phạm chưa đúng thẩm quyền, chưa đúng trình tự, thủ tục dẫn đến việc xử lý không dứt điểm, kéo dài...;

- Một số nội dung trong kết luận thanh tra chưa phù hợp với các chứng cứ thu thập trong quá trình thanh tra;

- Chưa thực hiện đúng theo quy chế của Đoàn thanh tra: Hồ sơ các cuộc thanh tra không đầy đủ theo quy định (Thiếu một số tài liệu, báo cáo chỉnh sửa kiến nghị theo kết luận thanh tra,..); việc ghi chép nhật ký Đoàn thanh tra không đầy đủ.

3. Công tác hành chính nhân sự

3.1. Quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở bồi dưỡng cán bộ của Trường Bồi dưỡng cán bộ Ngân hàng

a. Nội dung kiểm toán:

Kiểm tra việc phối hợp với Trường Bồi dưỡng cán bộ Ngân hàng trong quản lý, khai thác sử dụng cơ sở đào tạo.

b. Mục tiêu kiểm toán:

Đánh giá sự phối hợp của đơn vị với Trường Bồi dưỡng cán bộ Ngân hàng thuộc NHNN đặt trên địa bàn theo quy định của NHNN và của pháp luật.

c. Văn bản tham chiếu:

- Quyết định số 2989/QĐ-NHNN ngày 14/12/2009 của Thống đốc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Các quy định khác của NHNN.

d. Rủi ro:

Chưa có sự phối kết hợp giữa đơn vị với Trường Bồi dưỡng cán bộ ngân hàng thuộc NHNN đặt trên địa bàn.

3.2. Công tác bảo vệ, phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt

a. Nội dung kiểm toán:

- Kiểm tra việc xây dựng và ban hành các phương án bảo vệ an toàn, phòng cháy, chữa cháy, phòng chống bão lụt tại Chi nhánh, sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng tại địa phương: Công an, các Sở, Ngành của tỉnh...

- Kiểm tra việc tổ chức thực hiện các phương án đã xây dựng:

+ Phân công lực lượng bảo vệ cơ quan kết hợp với lực lượng công an bảo vệ mục tiêu thực hiện trực 24/24h, bảo vệ an toàn tuyệt đối toàn bộ tài sản của cơ quan bao gồm kho tiền và trụ sở cơ quan, các trang thiết bị cơ sở vật chất có trong cơ quan;

+ Phối hợp với các đơn vị chức năng lắp đặt đầy đủ hệ thống các thiết bị an toàn như Camera quan sát, thiết bị báo cháy, chữa cháy tự động, thiết bị chống đột nhập;

+ Việc tổ chức tập huấn về chữa cháy, chống lụt, bão để sẵn sàng ứng phó khi có sự cố xảy ra.

b. Mục tiêu kiểm toán:

Đánh giá công tác bảo vệ, phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt.

c. Văn bản tham chiếu:

- Quyết định số 22/2006/QĐ-NHNN ngày 18/5/2006 của Thống đốc ban hành Quy chế phòng cháy, chữa cháy trong NHNN;

- Chỉ thị số 02/2008/CT-NHNN ngày 4/3/2008 của Thống đốc về công tác bảo vệ an ninh;

- Quyết định số 41/2006/QĐ-NHNN ngày 17/8/2006 của Thống đốc về Quy chế hoạt động của lực lượng bảo vệ NHNN;

- Nghị định số 35/2003/ND-CP ngày 4/4/2003 của Chính phủ quy định chi tiết luật PCCC;

- Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31/3/2004 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 35/2003/ND-CP ngày 4/4/2003.

d. Rủi ro:

Thực hiện, kiểm tra không nghiêm túc dẫn đến các vi phạm làm mất an toàn tài sản hoặc có nguy cơ dẫn đến mất an toàn tài sản.

3.3. Thực hiện quy chế dân chủ, công khai tài sản, tài chính

a. Nội dung kiểm toán:

Giám đốc ban hành bằng văn bản các nội quy, quy định nội bộ, trong đó cần cụ thể hoá việc phân công trách nhiệm, vừa có sự phân tách trách nhiệm, vừa có sự phối hợp để giải quyết công việc chung, những vấn đề nào cần bàn bạc công khai, dân chủ, những vấn đề nào Giám đốc tự chịu trách nhiệm, cụ thể:

- Việc xây dựng chương trình, kế hoạch công tác tháng, quý, năm và kết quả thực hiện;

- Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, công khai tài chính;

- Việc lập kế hoạch dự toán xây dựng, sửa chữa, mua sắm tài sản cố định, công cụ lao động. Kết quả thực hiện và những tồn tại cần chỉnh sửa trong quá trình thực hiện mua sắm sửa chữa;

- Việc theo dõi, quản lý, sử dụng và thanh lý tài sản cố định, công cụ lao động; bố trí cơ sở vật chất, phương tiện làm việc của Chi nhánh;

- Việc thực hiện, triển khai chương trình hành động trong ngành ngân hàng, tổ chức thành lập và ban hành nội quy, quy chế làm việc đối với các Ban (Tổ) phòng chống tham nhũng, phòng chống tội phạm, việc thực hiện Quy chế dân chủ, Quy chế công sở theo quy định của NHNN;

- Việc thông báo công khai kết quả thực hiện các công tác: Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức; việc tổ chức thi, tuyển dụng cán bộ, công chức; sắp

xếp, bố trí cán bộ, công chức, người lao động vào những vị trí làm việc tại Chi nhánh.

b. Mục tiêu kiểm toán:

Đánh giá việc thực hiện quy chế dân chủ; công khai tài sản, tài chính tại cơ sở.

c. Văn bản tham chiếu:

Nghị định số 71/1998/NĐ-CP ngày 8/9/1998 của Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan.

d. Rủi ro:

- Không ban hành nội quy, quy định rõ ràng.
- Khi thực hiện không công khai, minh bạch dẫn đến sự lợi dụng.
- Xử lý không đúng thẩm quyền của các cán bộ dẫn đến kiện cáo, thắc mắc, mất đoàn kết nội bộ.

3.4. Công tác tổ chức nhân sự

a. Nội dung kiểm toán:

- Việc lập kế hoạch và cử cán bộ, công chức tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ;
- Công tác tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển cán bộ;
- Việc xét nâng lương, nâng lương trước hạn, thi nâng ngạch công chức;
- Công tác theo dõi, lưu trữ hồ sơ cán bộ;
- Công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật.

b. Mục tiêu kiểm toán:

- Đánh giá việc cử cán bộ tham gia đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu công tác và năng lực cán bộ.
- Đánh giá việc quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ, công tác thi đua khen thưởng và việc thực hiện các chế độ chính sách đối với cán bộ theo quy định.

c. Văn bản tham chiếu:

- Quyết định số 61/2000/QĐ-NHNN ngày 23/2/2000 của Thống đốc ban hành Quy chế cán bộ, công chức viên chức NHNN;
- Quyết định số 28/2006/QĐ-NHNN ngày 30/6/2006 của Thống đốc ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức NHNN;
- Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

- Quyết định số 1955/QĐ-NHNN ngày 19/8/2010 của Thống đốc ban hành Quy chế phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức trong ngành Ngân hàng;

- Quyết định số 1956/QĐ-NHNN ngày 19/8/2010 của Thống đốc ban hành Quy chế bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển đối với công chức, viên chức;

- Kế hoạch đào tạo của NHNN duyệt cho Chi nhánh;

- Công văn số 13679/NHNN-TCCB ngày 25/12/2007 của NHNN về triển khai quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức.

d. Rủi ro:

- Công tác quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ chưa đúng quy trình, đối tượng;

- Việc xét nâng lương (đến hạn hoặc trước hạn) chưa đúng đối tượng hoặc chưa kịp thời;

- Công tác thi đua khen thưởng chưa làm đúng quy trình, đối tượng, hồ sơ lưu không đầy đủ.

3.5. Công tác văn thư lưu trữ

a. Nội dung kiểm toán:

- Kiểm tra việc mở sổ ghi chép, theo dõi công văn đi, đến; việc ký nhận và lưu công văn mật cho cá nhân hoặc bộ phận có liên quan để xử lý;

- Kiểm tra việc bố trí, sắp xếp kho lưu trữ cơ quan, việc trang bị các phương tiện trong kho lưu trữ theo quy định, việc nộp lưu tài liệu của các phòng, các đoàn thể và phân loại tài liệu nộp cho cơ quan lưu trữ tỉnh.

b. Mục tiêu kiểm toán:

Đánh giá việc tuân thủ quy định về công tác văn thư lưu trữ.

c. Văn bản tham chiếu:

- Nghị định số 110/2004/NĐ-CP ngày 8/4/2004 của Chính phủ về công tác văn thư;

- Nghị định số 111/2004/NĐ-CP ngày 8/4/2004 của Chính phủ về công tác lưu trữ;

- Quyết định số 22/2007/QĐ-NHNN ngày 28/5/2007 của Thống đốc ban hành Quy chế văn thư lưu trữ;

- Thông tư số 20/2009/TT-NHNN ngày 7/9/2009 của Thống đốc quy định thời hạn bảo quản hồ sơ tài liệu trong ngành Ngân hàng;

- Quyết định số 376/2003/QĐ-NHNN ngày 22/4/2003 của Thống đốc về việc bảo quản lưu trữ chứng từ điện tử.

d. Rủi ro:

Chưa tuân thủ đúng các quy định về công tác văn thư, lưu trữ.

4. Công tác thông tin báo cáo

4.1. Công tác thông tin báo cáo tổng hợp

a. Nội dung kiểm toán:

- Kiểm toán tính đầy đủ, kịp thời của các loại báo cáo, hình thức gửi báo cáo theo quy định;

- Kiểm toán nội dung các báo cáo (xem xét tính đầy đủ nội dung báo cáo, tính chính xác kịp thời của các số liệu thống kê).

b. Mục tiêu kiểm toán:

Đánh giá việc chấp hành chế độ thông tin báo cáo trong nội bộ đơn vị.

c. Văn bản tham chiếu:

- Quyết định số 486/2003/QĐ-NHNN ngày 19/5/2003 của Thống đốc ban hành Quy chế kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ NHNN;

- Quyết định số 477/2004/QĐ-NHNN ngày 28/4/2004 của Thống đốc ban hành chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các đơn vị thuộc NHNN và các TCTD;

- Quyết định số 1747/2005/QĐ-NHNN ngày 1/12/2005 của Thống đốc sửa đổi bổ sung Quyết định số 477/2004/QĐ-NHNN;

- Thông tư số 21/2010/TT-NHNN ngày 8/10/2010 của Thống đốc quy định báo cáo thống kê áp dụng đối với các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước và các TCTD, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài (hiệu lực từ 1/7/2011 thay thế Quyết định số 477/2004/QĐ-NHNN, Quyết định số 1747/2005/QĐ-NHNN);

- Các quyết định nội bộ của Chi nhánh đã ban hành.

d. Rủi ro:

- Báo cáo lập và gửi không đúng thời hạn quy định dẫn đến thông tin không còn giá trị, ảnh hưởng đến công tác điều hành, chỉ đạo chung;

- Báo cáo lập không đầy đủ nội dung, những thông tin trong báo cáo không chính xác, số liệu thống kê không đầy đủ, dẫn đến điều hành không hiệu quả;

- Báo cáo gửi thiếu hoặc sai đối tượng cần nhận, dẫn đến thông tin chưa đầy đủ.

4.2. Công tác thông tin báo cáo thuộc nội dung Thanh tra giám sát

a. Nội dung kiểm toán:

- Kiểm toán tính đầy đủ, kịp thời của các loại báo cáo, hình thức gửi báo cáo theo quy định;

- Kiểm toán nội dung các báo cáo (xem xét tính đầy đủ nội dung báo cáo, tính chính xác kịp thời của các số liệu thống kê).

b. Mục tiêu kiểm toán:

Đánh giá việc chấp hành chế độ thông tin báo cáo trong nội bộ đơn vị.

c. Văn bản tham chiếu:

Các văn bản yêu cầu báo cáo của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng.

d. Rủi ro:

- Báo cáo lập và gửi không đúng thời hạn quy định dẫn đến thông tin không còn giá trị, ảnh hưởng đến công tác điều hành, chỉ đạo chung;

- Báo cáo lập không đầy đủ nội dung, những thông tin trong báo cáo không chính xác, số liệu thống kê không đầy đủ, dẫn đến điều hành không hiệu quả;

- Báo cáo gửi thiếu hoặc sai đối tượng cần nhận, dẫn đến thông tin chưa đầy đủ.

4.3. Công tác thông tin báo cáo thuộc lĩnh vực Hành chính nhân sự

a. Nội dung kiểm toán:

- Kiểm toán tính đầy đủ, kịp thời của các loại báo cáo, hình thức gửi báo cáo theo quy định;

- Kiểm toán nội dung các báo cáo (xem xét tính đầy đủ nội dung báo cáo, tính chính xác kịp thời của các số liệu thống kê).

b. Mục tiêu kiểm toán:

Đánh giá việc chấp hành chế độ thông tin báo cáo trong nội bộ đơn vị.

c. Văn bản tham chiếu:

Các văn bản yêu cầu báo cáo của NHNN.

d. Rủi ro:

- Báo cáo lập và gửi không đúng thời hạn quy định dẫn đến thông tin không còn giá trị, ảnh hưởng đến công tác điều hành, chỉ đạo chung;

- Báo cáo lập không đầy đủ nội dung, những thông tin trong báo cáo không chính xác, số liệu thống kê không đầy đủ, dẫn đến điều hành không hiệu quả;

- Báo cáo gửi thiếu hoặc sai đối tượng cần nhận, dẫn đến thông tin chưa đầy đủ.

4.4. Công tác thông tin báo cáo thuộc lĩnh vực Quản lý ngoại hối

a. Nội dung kiểm toán:

- Kiểm toán tính đầy đủ, kịp thời của các loại báo cáo, hình thức gửi báo cáo theo quy định;
- Kiểm toán nội dung các báo cáo (xem xét tính đầy đủ nội dung báo cáo, tính chính xác kịp thời của các số liệu thống kê).

b. Mục tiêu kiểm toán:

Đánh giá việc chấp hành chế độ thông tin báo cáo trong nội bộ đơn vị.

c. Văn bản tham chiếu:

Các văn bản yêu cầu báo cáo của NHNN.

d. Rủi ro:

- Báo cáo lập và gửi không đúng thời hạn quy định dẫn đến thông tin không còn giá trị, ảnh hưởng đến công tác điều hành, chỉ đạo chung;
- Báo cáo lập không đầy đủ nội dung, những thông tin trong báo cáo không chính xác, số liệu thống kê không đầy đủ, dẫn đến điều hành không hiệu quả;
- Báo cáo gửi thiếu hoặc sai đối tượng cần nhận, dẫn đến thông tin chưa đầy đủ.

4.5. Công tác thông tin báo cáo thuộc lĩnh vực kế toán, ngân quỹ

a. Nội dung kiểm toán:

- Kiểm toán tính đầy đủ, kịp thời của các loại báo cáo, hình thức gửi báo cáo theo quy định;
- Kiểm toán nội dung các báo cáo (xem xét tính đầy đủ nội dung báo cáo, tính chính xác kịp thời của các số liệu thống kê).

b. Mục tiêu kiểm toán:

Đánh giá việc chấp hành chế độ thông tin báo cáo trong nội bộ đơn vị.

c. Văn bản tham chiếu:

Các văn bản yêu cầu báo cáo của NHNN.

d. Rủi ro:

- Báo cáo lập và gửi không đúng thời hạn quy định dẫn đến thông tin không còn giá trị, ảnh hưởng đến công tác điều hành, chỉ đạo chung;
- Báo cáo lập không đầy đủ nội dung, những thông tin trong báo cáo không chính xác, số liệu thống kê không đầy đủ, dẫn đến điều hành không hiệu quả;

- Báo cáo gửi thiếu hoặc sai đối tượng cần nhận, dẫn đến thông tin chưa đầy đủ.

4.6. Công tác thông tin báo cáo thuộc lĩnh vực Kiểm tra, giám sát

a. Nội dung kiểm toán:

- Kiểm toán tính đầy đủ, kịp thời của các loại báo cáo, hình thức gửi báo cáo theo quy định;

- Kiểm toán nội dung các báo cáo (xem xét tính đầy đủ nội dung báo cáo, tính chính xác kịp thời của các số liệu thống kê).

b. Mục tiêu kiểm toán:

Đánh giá việc chấp hành chế độ thông tin báo cáo trong nội bộ đơn vị.

c. Văn bản tham chiếu:

Các văn bản yêu cầu báo cáo của NHNN.

d. Rủi ro:

- Báo cáo lập và gửi không đúng thời hạn quy định dẫn đến thông tin không còn giá trị, ảnh hưởng đến công tác điều hành, chỉ đạo chung;

- Báo cáo lập không đầy đủ nội dung, những thông tin trong báo cáo không chính xác, số liệu thống kê không đầy đủ, dẫn đến điều hành không hiệu quả;

- Báo cáo gửi thiếu hoặc sai đối tượng cần nhận, dẫn đến thông tin chưa đầy đủ.

5. Công tác quản lý ngoại hối, thị trường tiền tệ

5.1. Tái cấp vốn, cho vay thanh toán

a. Nội dung kiểm toán:

- Kiểm toán hồ sơ thực hiện nghiệp vụ cho vay tái cấp vốn và cho vay thanh toán đối với các TCTD trên địa bàn:

+ Xem xét, đánh giá việc thực hiện theo trình tự, thủ tục cho vay;

+ Xem xét việc thực hiện thẩm quyền cho vay theo quy định;

+ Xem xét hạn mức, lãi suất và thời hạn vay;

+ Kiểm tra hạn mức được vay của TCTD.

- Kiểm tra việc xử lý các khoản nợ vay theo quy định của Ngân hàng Trung ương:

+ Việc thu nợ, gia hạn nợ so với thời hạn quy định;

+ Việc chuyển nợ quá hạn, các biện pháp xử lý.

b. Mục tiêu kiểm toán:

Đánh giá việc thực hiện nghiệp vụ tái cấp vốn và cho vay thanh toán đối với các TCTD trên địa bàn khi được Thống đốc ủy quyền.

c. Văn bản tham chiếu:

- Quyết định số 2989/QĐ-NHNN ngày 14/12/2009 của Thống đốc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Các văn bản quy định về cho vay tái cấp vốn và thanh toán đối với các TCTD khác.

d. Rủi ro:

- Thực hiện cho vay không đúng mục đích, không đúng đối tượng, vượt hạn mức theo quy định;

- Hồ sơ không đầy đủ, không bảo đảm tính pháp lý;

- Gia hạn nợ và chuyển nợ quá hạn không đúng quy định;

- Quản lý hồ sơ chưa đúng quy định, thiếu, mất hồ sơ.

5.2. Công tác quản lý ngoại hối

a. Nội dung kiểm toán:

- Kiểm tra việc cấp giấy phép đại lý chi trả ngoại tệ, giấy chứng nhận đăng ký đối ngoại tệ cho các tổ chức, cá nhân;

- Kiểm tra việc xác nhận đăng ký, thay đổi khoản vay nước ngoài trung và dài hạn của doanh nghiệp (Đối tượng, thẩm quyền, thời gian);

- Kiểm tra việc cấp giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu, mang vàng khi xuất cảnh cho tổ chức, cá nhân;

- Kiểm tra việc xác nhận đăng ký tài khoản ngoại tệ và tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài;

- Kiểm tra việc cấp phép mang tiền của nước có chung biên giới tại khu vực biên giới và khu vực kinh tế cửa khẩu Việt Nam vào Việt Nam; mang tiền của nước có chung biên giới, tiền Việt Nam ra nước ngoài cho đối tượng được phép;

- Đối với Chi nhánh TP Hồ Chí Minh: Kiểm tra việc cấp giấy phép xuất, nhập khẩu ngoại tệ tiền mặt cho các TCTD được phép kinh doanh ngoại hối theo ủy quyền của Thống đốc;

- Kiểm tra việc quản lý ngoại hối trên địa bàn theo chỉ đạo của Thống đốc trong từng thời kỳ: Niêm yết, sử dụng ngoại hối; mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài.

b. Mục tiêu kiểm toán:

Đánh giá công tác quản lý ngoại hối theo quy định.

c. Văn bản tham chiếu:

- Nghị định số 174/1999/NĐ-CP ngày 09/12/1999 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng. Có hiệu lực kể từ ngày 24/12/1999.

- Nghị định số 64/2003/NĐ-CP ngày 11/6/2003 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 174/1999/NĐ-CP. Có hiệu lực kể từ ngày 16/7/2003.

- Thông tư số 10/2003/TT-NHNN ngày 16/9/2003 hướng dẫn thi hành Nghị định số 174/1999/NĐ-CP ngày 9/12/1999 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng và Nghị định số 64/2003/NĐ-CP ngày 11/6/2003 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 174/1999/NĐ-CP. Có hiệu lực kể từ ngày 2/10/2003.

- Quyết định số 1703/2004/QĐ-NHNN ngày 28/12/2004 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 10/2003/TT-NHNN ngày 16/9/2003 của Thống đốc NHNN hướng dẫn thi hành Nghị định số 174/1999/NĐ-CP ngày 9/12/1999 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng và Nghị định số 64/2003/NĐ-CP ngày 11/6/2003 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 174/1999/NĐ-CP. Có hiệu lực kể từ ngày 22/1/2005.

- Quyết định số 1165/2001/QĐ-NHNN ngày 12/9/2001 của Thống đốc về việc mang vàng của cá nhân khi xuất cảnh, nhập cảnh. Có hiệu lực từ ngày 8/12/2001.

- Thông tư số 02/2000/TT-NHNN ngày 24/02/2000 hướng dẫn thi hành Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg về việc khuyến khích người Việt ở nước ngoài chuyển tiền về nước. Ngày có hiệu lực 11/03/2000.

- Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13/12/2005 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ngày có hiệu lực 01/6/2006.

- Nghị định số 160/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh ngoại hối. Ngày có hiệu lực 27/01/2007.

- Quyết định số 21/2008/QĐ-NHNN ngày 11/7/2008 của Thống đốc NHNN ban hành Quy chế đại lý đổi ngoại tệ. Ngày có hiệu lực 03/8/2008.

- Công văn số 9699/NHNN-QLNII ngày 30/10/2008 hướng dẫn hoạt động đại lý đổi ngoại tệ;

- Quyết định số 845/2004/QĐ-NHNN ngày 8/7/2004 của Thống đốc ban hành Quy chế thanh toán trong mua bán, trao đổi hàng hoá và dịch vụ, đầu tư và viện trợ giữa Việt Nam và Lào, ngày có hiệu lực 03/8/2004.

- Quyết định số 140/2000/QĐ-TTg ngày 8/12/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tiền của nước có chung biên giới

tại Khu vực biên giới và Khu vực kinh tế cửa khẩu Việt Nam, ngày có hiệu lực 23/12/2000.

- Thông tư số 07/2001/TT-NHNN ngày 31/8/2001 hướng dẫn thực hiện Quy chế quản lý tiền của nước có chung biên giới tại khu vực biên giới và khu vực kinh tế cửa khẩu Việt Nam ban hành theo Quyết định số 140/2000/QĐ-TTg ngày 8/12/2000 của Thủ tướng Chính phủ. Ngày có hiệu lực 15/09/2001.

- Quyết định số 92/2000/QĐ-NHNN7 ngày 17/3/2000 của Thống đốc về việc mang ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam bằng tiền mặt của cá nhân xuất nhập cảnh bằng giấy thông hành.

- Một số văn bản khác.

d. Rủi ro:

Chấp hành chưa đúng các quy định về quản lý ngoại hối trong phạm vi thẩm quyền.

6. Công tác kế toán, ngân quỹ

6.1. Cung ứng dịch vụ thanh toán

a. Nội dung kiểm toán:

- Kiểm toán việc tổ chức công tác thanh toán của NHNN đối với các TCTD trên địa bàn (việc triển khai các phương thức, hình thức thanh toán);
- Việc thực hiện quy chế, quy trình nghiệp vụ thanh toán;
- Kiểm tra thủ tục mở tài khoản, quản lý hồ sơ mở tài khoản tại đơn vị.

b. Mục tiêu kiểm toán:

Đánh giá công tác cung ứng dịch vụ thanh toán cho các TCTD, Kho bạc Nhà nước.

c. Văn bản tham chiếu:

Các văn bản của Ngành, nhà nước.

d. Rủi ro:

- Việc tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán chưa đúng theo quy định;
- Công tác thanh toán còn ách tắc, chậm trễ, ảnh hưởng đến công tác thanh toán chung của nền kinh tế;
- Chưa lập biên bản trong trường hợp có sự cố đường truyền.

6.2. Cung ứng dịch vụ ngân quỹ

a. Nội dung kiểm toán:

- Kiểm tra việc thực hiện theo thẩm quyền về quản lý, xuất, nhập tiền mặt đáp ứng nhu cầu lĩnh, nộp tiền mặt giữa NHNN với các TCTD trên địa bàn (về số lượng, mệnh giá, cơ cấu các loại tiền);

- Kiểm tra việc tổ chức, phổ biến các văn bản về quản lý kho quỹ đối với các TCTD trên địa bàn;

- Kiểm toán việc thực hiện kiểm tra của đơn vị đối với TCTD trên địa bàn về việc chấp hành chế độ an toàn kho quỹ và quản lý tiền mặt.

b. Mục tiêu kiểm toán:

Đánh giá công tác cung ứng dịch vụ thanh toán, ngân quỹ và các dịch vụ Ngân hàng Trung ương khác cho các TCTD, Kho bạc Nhà nước.

c. Văn bản tham chiếu:

Hồ sơ lưu tại NIINN, có thể tiến hành xác minh, thu thập thông tin tại các TCTD để đánh giá, kết luận.

d. Rủi ro:

- Văn bản không được triển khai hoặc triển khai không kịp thời;
- Chưa đáp ứng đủ nhu cầu tiền mặt cho các TCTD trên địa bàn ảnh hưởng đến lưu thông tiền tệ, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế địa phương;
- Không kiểm tra việc chấp hành chế độ của các TCTD trên địa bàn để tham mưu quản lý.

III. Kiểm toán đánh giá hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ

1. Đánh giá hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ

1.1. Đánh giá môi trường kiểm soát nội bộ

a. Nội dung kiểm toán:

- Giám đốc Chi nhánh phụ trách, phê duyệt kế hoạch, báo cáo công tác kiểm soát nội bộ tại đơn vị; việc triển khai các quy định của Ngân hàng Trung ương, của Chi nhánh về công tác kiểm soát nội bộ nhằm kiểm soát toàn diện hoạt động của đơn vị. Trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc của Ban Giám đốc trong hoạt động của Chi nhánh;

- Trách nhiệm của Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng trong việc kiểm tra, kiểm soát công việc của từng cán bộ trong Phòng theo lĩnh vực được phân công;

- Việc thực hiện công tác kiểm soát trước, trong và sau của mỗi cán bộ, công chức trong việc thực hiện các quy trình nghiệp vụ;

- Những nghiệp vụ có nhiều bước, nhiều công đoạn thực hiện đã có sự phân chia nhiệm vụ, hay chỉ bố trí một người làm từ đầu đến cuối một nghiệp vụ;

- Kiểm tra việc bố trí nhân sự làm công tác kiểm soát nội bộ tại Chi nhánh.

b. Mục tiêu kiểm toán:

Đánh giá môi trường kiểm soát nội bộ của Chi nhánh.

c. Văn bản tham chiếu:

- Quyết định số 486/2003/QĐ-NHNN ngày 19/5/2003 của Thống đốc ban hành Quy chế kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ NHNN.

- Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 5/4/2010 về tăng cường công tác kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ.

d. Rủi ro:

- Chưa quy định về việc kiểm soát nội bộ hoặc chưa tuân thủ các quy trình, phương pháp kiểm toán nhằm kiểm soát mọi hoạt động của đơn vị. Phân công nhiệm vụ không bảo đảm nguyên tắc kiểm soát kép. Việc kiểm soát trước, trong, sau và đột xuất chưa thực hiện thường xuyên. Lãnh đạo xem nhẹ hoặc thiếu quan tâm tới công tác kiểm soát nội bộ.

- Chưa lập chương trình, kế hoạch công tác của Phòng và cán bộ Kiểm soát nội bộ hoặc chưa được phê duyệt. Công tác báo cáo theo quy định chưa thực hiện đầy đủ. Cán bộ kiểm soát không được tham gia hoặc chưa thực hiện kiểm soát hết các nghiệp vụ phát sinh.

1.2. Đánh giá hiệu quả công tác kiểm soát nội bộ

a. Nội dung kiểm toán:

- Kiểm toán chức năng tham mưu, xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch công tác kiểm soát nội bộ đã được phê duyệt;

- Kiểm tra, xem xét các biện pháp chỉ đạo khắc phục tồn tại do Kiểm soát nội bộ nêu để đánh giá tính hiệu lực của công tác kiểm soát nội bộ;

- So sánh báo cáo của các Đoàn kiểm tra, kiểm toán với các báo cáo kiểm soát nội bộ tại Chi nhánh để đánh giá chất lượng công tác kiểm soát nội bộ;

- Đánh giá tính độc lập tương đối của Kiểm soát nội bộ tại Chi nhánh.

b. Mục tiêu kiểm toán:

Đánh giá hiệu quả công tác kiểm soát của Chi nhánh.

c. Văn bản tham chiếu:

Quyết định số 486/2003/QĐ-NHNN ngày 19/5/2003 của Thống đốc ban hành quy chế kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ NHNN.

d. Rủi ro:

- Chưa xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch công tác kiểm soát nội bộ;

- Chưa có biện pháp chỉ đạo khắc phục tồn tại do Kiểm soát nội bộ phát hiện;

- Kiểm soát nội bộ chưa phát hiện được những tồn tại của đơn vị;

- Chưa đảm bảo tính độc lập tương đối của Kiểm soát nội bộ tại Chi nhánh.

IV. Kiểm toán việc thực hiện kiến nghị

1. Kiểm toán việc thực hiện kiến nghị

1.1. Kiểm toán những kiến nghị đã được thực hiện

a. Nội dung kiểm toán:

- Kiểm tra tính kịp thời báo cáo thực hiện kiến nghị sau kiểm toán.
- Đối chiếu giữa kết quả trong báo cáo của đơn vị được kiểm toán với thực tế.

b. Mục tiêu kiểm toán:

Xem xét, đánh giá việc chỉnh sửa và báo cáo chỉnh sửa tồn tại sau kiểm tra, kiểm toán của Chi nhánh.

c. Văn bản tham chiếu:

Các báo cáo kiểm tra, kiểm toán trước đó.

d. Rủi ro:

- Một số kiến nghị chưa thực hiện, tuy nhiên chi nhánh báo cáo đã thực hiện.
- Việc chỉnh sửa tồn tại theo kiến nghị chưa đúng thời hạn quy định.

1.2. Kiểm toán những kiến nghị chưa được thực hiện

a. Nội dung kiểm toán:

Xem xét những kiến nghị chưa thực hiện và nguyên nhân của việc chưa thực hiện.

b. Mục tiêu kiểm toán:

Xem xét nguyên nhân những kiến nghị chưa thực hiện.

c. Văn bản tham chiếu:

Các báo cáo kiểm tra, kiểm toán trước đó.

d. Rủi ro:

Có thể kiến nghị đã thực hiện nhưng Chi nhánh chưa gửi báo cáo theo quy định.

PHẦN III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Quy trình kiểm toán này thay thế Công văn số 250/CV-TKS1 ngày 23/5/2002 hướng dẫn phương pháp kiểm toán hoạt động đối với Chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố.

2. Vụ Kiểm toán nội bộ chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện kiểm toán theo qui trình này.

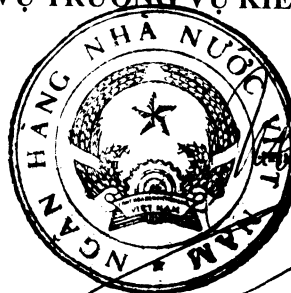
3. Thủ trưởng các đơn vị căn cứ nội dung hướng dẫn tại quy trình này để tổ chức, triển khai công tác kiểm soát nội bộ tại đơn vị.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc chưa hợp lý, đề nghị phản ánh kịp thời về NHNN (Vụ Kiểm toán nội bộ) để nghiên cứu, chỉnh sửa cho phù hợp. *ph*

Nơi nhận:

- Thống đốc NHNN (để báo cáo);
- Các đơn vị NHNN (để phối hợp t/h);
- Ban lãnh đạo Vụ KTNB (để t/h);
- Các phòng Vụ KTNB (để t/h);
- Lưu VP; KTNB.

TL. THÔNG ĐỐC
VỤ TRƯỞNG VỤ KIỂM TOÁN NỘI BỘ



NGÔ BÁ LẠI